

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐG HỌC SINH TRONG DẠY HỌC MÔN TIN HỌC LỚP 6 THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC: NGHIÊN CỨU Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MANAGING STUDENT ASSESSMENT ACTIVITIES IN TEACHING COMPUTER SCIENCE FOR GRADE 6 ACCORDING TO COMPETENCY-BASED APPROACH: A STUDY AT SOME SECONDARY SCHOOLS IN HO CHI MINH CITY

NGUYỄN ĐỨC HUÂN, huannnd@tdmu.edu.vn

Trường Đại học Thủ Dầu Một.

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 25/06/2025 Ngày nhận lại: 10/07/2025 Duyệt đăng: 18/7/2025 Mã số: TCKH-SĐBT7-2025-B14 ISSN: 2354 - 0788</p> <p>Từ khóa: Quản lý giáo dục, hoạt động ĐG, học sinh, năng lực, Tin học 6.</p> <p>Keywords: Education management, assessment activities, students, competencies, computer science 6.</p>	<p><i>Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ĐG học sinh trong dạy học môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận năng lực. Trên cơ sở tổng quan lý luận về ĐG năng lực và vai trò của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trong đổi mới giáo dục, tác giả tiến hành khảo sát thực trạng tại các trường trung học cơ sở thông qua phiếu hỏi dành cho 45 giáo viên và 68 cán bộ quản lý. Kết quả cho thấy, mặc dù công tác tập huấn và chỉ đạo chuyên môn bước đầu đã được quan tâm, song vẫn còn tồn tại những bất cập về cơ sở vật chất, tài liệu hướng dẫn, năng lực thực hành ĐG của giáo viên và sự thiếu nhất quán trong văn bản quản lý. Từ đó, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp: (1) Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho GV về ĐG HS theo tiếp cận NL; (2) Chuẩn hóa hệ thống tài liệu hướng dẫn và thiết bị hỗ trợ ĐG; (3) Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng thực tiễn và hiệu quả; (4) Phát huy vai trò quản lý và giám sát của Ban giám hiệu trong công tác ĐG; (5) Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh trong quá trình đổi mới ĐG và (6) Đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong ĐG. Những đề xuất này nhằm hướng đến việc tổ chức hoạt động ĐG thực chất, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển năng lực học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.</i></p> <p>ABSTRACT <i>This article presents the findings of research on the current situation and proposes solutions to improve the management of student assessment activities in teaching Grade 6 Computer Science based on a competency-based approach. On the grounds of theoretical perspectives on competency assessment and the roles of teachers and educational managers in educational reform, the authors conducted a practical</i></p>

survey at secondary schools using questionnaires for 45 teachers and 68 administrators. The results indicate while professional training and administrative guidance have received initial attention, several limitations remain, including inadequate infrastructure, a lack of guiding documents, teachers' insufficient assessment capacity, and inconsistent management policies. Accordingly, the article proposes six solution groups: (1) Strengthen training and professional development for teachers on student assessment according to the NL approach; (2) Standardise a system of guidance documents and assessment support devices; (3) Improve the quality of professional activities in a practical and effective direction; (4) Promote the management and supervision role of the Board of Directors in assessment work; (5) Close coordination between the school and parents in the process of assessment change; and (6) Invest in facilities and apply information technology in assessment. These solutions aim to enable effective, authentic assessment practices aligned with the 2018 General Education Curriculum's competency-based orientation.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 nhấn mạnh mục tiêu phát triển năng lực (NL) học sinh (HS) (Bộ GD&ĐT, 2018a) đòi hỏi sự đổi mới đồng bộ các yếu tố của quá trình dạy học (DH) trong đó có hoạt động ĐG (ĐG). Theo đó, ĐG kết quả học tập của HS không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra mức độ ghi nhớ kiến thức mà cần hướng tới việc ĐG NL vận dụng, giải quyết vấn đề và phát triển toàn diện các NL chung và NL đặc thù (Bộ GD&ĐT, 2018a). Môn Tin học được xác định là môn học bắt buộc ở cấp THCS với mục tiêu trang bị cho HS những tri thức cơ bản về khoa học máy tính, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả, sáng tạo và có trách nhiệm. Đặc biệt môn Tin học góp phần hình thành và phát triển NL tin học - một trong những NL đặc thù trong chương trình (Bộ GD&ĐT, 2018b). ACM Education Board (2023) đã cung cấp khung chương trình học Tin học với trọng tâm là ĐG dựa trên NL, khuyến nghị các cơ sở giáo dục thiết kế mô hình NL phù hợp với nhu cầu địa phương. Virginia Department of Education (2024) đã xác định nội dung học tập cốt lõi cho chương trình Tin học từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 bao

gồm các tiêu chuẩn và cách ĐG NL số cho HS phổ thông. Công việc quản lý hiệu quả hoạt động ĐG không chỉ giúp giáo viên (GV) đổi mới phương pháp kiểm tra, ĐG mà còn góp phần nâng cao chất lượng dạy học, định hướng đúng đắn cho HS trong quá trình học tập. Các tác giả Nguyễn Văn Cường và Trần Thị Mỹ Linh (2021) cho rằng, công tác ĐG HS trong DH Tin học lớp 6 vẫn còn những hạn chế nhất định như thiên về ĐG kiến thức lí thuyết, ít chú trọng đến khả năng vận dụng, thực hành; cách thức tổ chức ĐG còn đơn điệu, thiếu linh hoạt; việc sử dụng công cụ và phương pháp ĐG hiện đại còn hạn chế. Theo Nguyễn Thị Thu Hà (2021), việc triển khai ĐG HS theo tiếp cận NL trong các môn học nói chung và môn Tin học nói riêng vẫn còn gặp khó khăn về nhận thức và NL chuyên môn của GV. NL số của một bộ phận GV, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, còn hạn chế. Việc quản lý ĐG ở nhiều nơi vẫn mang tính hình thức, nặng về hành chính, chưa phát huy được vai trò phản hồi để cải tiến hoạt động dạy và học.

Như vậy, để thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển NL người học việc quản lý hoạt động ĐG HS trong DH nói chung và trong môn Tin

học lớp 6 nói riêng cần được tổ chức một cách khoa học có định hướng rõ ràng và phù hợp với đặc trưng bộ môn. Do đó, việc nghiên cứu quản lý hoạt động ĐG HS trong DH môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận NL là cần thiết nhằm đề xuất một số định hướng quản lý phù hợp, hiệu quả góp phần phát triển phẩm chất, NL HS đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo hướng kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn nhằm ĐG thực trạng và đề xuất các định hướng nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ĐG HS trong DH môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận NL.

(1) *Thiết kế nghiên cứu*: Thiết kế nghiên cứu theo phương pháp định tính kết hợp định lượng đảm bảo sự toàn diện trong thu thập và xử lý dữ liệu. Trong đó, phương pháp nghiên cứu lý thuyết được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lý luận về NL, ĐG NL HS và quản lý hoạt động ĐG trong nhà trường. Đồng thời, phương pháp khảo sát thực tiễn được triển khai thông qua bảng hỏi để xác định thực trạng triển khai ĐG theo tiếp cận NL tại các trường trung học cơ sở từ đó làm cơ sở đề xuất các định hướng quản lý phù hợp.

(2) *Phương pháp nghiên cứu*: Nghiên cứu thực tiễn để tìm hiểu, phân tích thực tế quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận năng lực. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định các mức độ thực hiện theo từng tiêu chí khảo sát. Các kết quả thống kê giúp làm rõ thực trạng quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận NL trong DH môn Tin học lớp 6 tại các trường THCS. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung để đối chiếu giữa dữ liệu thực tiễn và cơ sở lý luận, từ đó nhận diện những hạn chế trong công tác quản lý và xác định nguyên nhân, làm tiền đề cho việc đề xuất các định hướng quản lý phù hợp có tính khả thi, gắn với thực tiễn nhà trường và yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Năng lực và năng lực đặc thù môn Tin học

Theo UNESCO (2015) NL không chỉ là khả năng thực hiện công việc mà còn là khả năng thích ứng, sáng tạo và tham gia tích cực vào các bối cảnh xã hội phức tạp (UNESCO, 2015). Theo Chương trình GDPT 2018, “NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ học tập, rèn luyện cho phép con người thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định. NL thể hiện qua khả năng huy động, vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và các nguồn lực cá nhân khác để giải quyết vấn đề trong các bối cảnh khác nhau của cuộc sống” (Bộ GD&ĐT, 2018a). NL được phân thành hai nhóm: (1) NL chung: như NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; (2) NL đặc thù: Là NL riêng có của mỗi môn học hoặc lĩnh vực giáo dục (Bộ GD&ĐT, 2018a).

NL đặc thù môn Tin học được xác định là NL tin học bao gồm ba thành phần chính: (1) NL sử dụng và ứng dụng CNTT: HS biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng cơ bản (gõ văn bản, trình chiếu, bảng tính...) khai thác thông tin trên Internet một cách có hiệu quả và an toàn; (2) NL hiểu biết về máy tính và hệ thống thông tin: HS nắm được những kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng của máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính... nhằm hình thành tư duy logic và hiểu bản chất của các hoạt động công nghệ số; (3) NL giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của máy tính (tư duy thuật toán và lập trình): HS biết cách phân tích, thiết kế và giải quyết các vấn đề đơn giản trong thực tiễn bằng thuật toán và ngôn ngữ lập trình phù hợp với trình độ lứa tuổi (Bộ GD&ĐT, 2018a). Ba thành phần NL này không tồn tại riêng lẻ mà được tích hợp và phát triển trong suốt quá trình học tập môn Tin học đặc biệt trong hoạt động trải nghiệm, thực hành và các dự án học tập. Như vậy, đối với môn Tin học, NL đặc thù không chỉ bao gồm khả năng sử dụng công nghệ thông tin mà còn bao hàm cả tư duy

thuật toán, kỹ năng giải quyết vấn đề và ý thức ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số. Hiểu rõ bản chất của NL và NL đặc thù môn Tin học là cơ sở lý luận quan trọng giúp GV thiết kế nội dung DH, tổ chức hoạt động học tập cũng như xây dựng tiêu chí và công cụ ĐG phù hợp theo định hướng phát triển NLHS.

3.2. Đánh giá học sinh trong dạy học môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận năng lực

Theo Nguyễn Công Khanh (2019) tiếp cận NL trong giáo dục nhấn mạnh đến việc HS vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết vấn đề thực tiễn. ĐG theo tiếp cận NL không chỉ kiểm tra kiến thức học thuộc lòng mà còn ĐG khả năng vận dụng, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo nhằm khuyến khích HS học tập chủ động. HS hiểu rõ mục tiêu cần đạt từ đó tự đặt kế hoạch và có động lực phát triển toàn diện hơn góp phần tăng tính thực tiễn của chương trình giáo dục. Nội dung ĐG gắn với các tình huống thực tế giúp HS chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống và nghề nghiệp sau này (Nguyễn Công Khanh, 2019). Do đó, thúc đẩy đổi mới phương pháp DH, GV phải tổ chức các hoạt động học tập đa dạng có chiều sâu để phát triển NL từ đó góp phần cải thiện chất lượng DH phù hợp với tinh thần giáo dục cá thể hóa, cho phép ĐG quá trình học tập và sự tiến bộ của từng HS, không chỉ dựa vào kết quả cuối cùng.

ĐG theo định hướng phát triển năng lực là một trong những đổi mới cốt lõi của Chương trình GDPT 2018 thay thế cho cách tiếp cận chủ yếu dựa vào kiến thức như trước đây. Theo Bộ GD&ĐT (2018a) ĐG năng lực HS là quá trình thu thập, phân tích và sử dụng thông tin nhằm xác định mức độ đáp ứng của HS đối với các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và NL. Trong đó, ĐG NL không chỉ chú trọng đến kết quả đầu ra mà còn quan tâm đến quá trình hình thành và phát triển NL của HS thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập mang tính thực tiễn, yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết vấn đề. Nguyễn Đức Chính (2021) cho rằng, việc tổ chức

ĐG theo NL đòi hỏi GV phải có hiểu biết sâu sắc về mục tiêu, cấu trúc NL cũng như các phương pháp và công cụ ĐG phù hợp như bảng tiêu chí (rubric), phiếu quan sát, câu hỏi mở, sản phẩm học tập, dự án học tập.

Như vậy, ĐG HS theo tiếp cận NL là một xu hướng tất yếu trong quá trình đổi mới giáo dục hiện nay góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển phẩm chất và NL người học theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Phương pháp này mang lại nhiều ưu điểm nổi bật như phản ánh đúng thực chất NL của HS, khuyến khích HS học tập chủ động, gắn kết việc học với thực tiễn cuộc sống. Tuy nhiên, việc triển khai ĐG theo hướng này cũng đặt ra không ít thách thức đặc biệt là trong việc xây dựng công cụ ĐG, đảm bảo tính khách quan và khả thi trong thực tế DH.

Đối với môn Tin học, chương trình Tin học lớp 6 được xây dựng theo định hướng phát triển NLHS chú trọng đến việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông cơ bản gồm các mạch nội dung chính sau: Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng; Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet; Chủ đề 3: Ứng dụng tin học; Chủ đề 4: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số; Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính. Tích hợp giáo dục đạo đức, nhấn mạnh đến trách nhiệm công dân số, đạo đức và pháp luật trong môi trường mạng, điều rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Khởi dậy hứng thú học tập thông qua sản phẩm sáng tạo, HS được tự thiết kế, lập trình trò chơi hoặc bài trình chiếu, làm tăng tính chủ động và sáng tạo trong học tập “Môn Tin học lớp 6 chú trọng hình thành NL sử dụng máy tính, phần mềm cơ bản và tư duy thuật toán” (Bộ GD&ĐT, 2018b) là nền tảng để phát triển các NL số cho HS. Như vậy, môn Tin học lớp 6 là một môn học có tính ứng dụng cao và gắn liền với thực tiễn cuộc sống nên việc tổ chức ĐG theo định hướng phát triển NL có ý nghĩa thiết thực trong việc giúp HS hình thành và phát triển NL tin học.

3.3. Quản lý hoạt động đánh giá học sinh trong dạy học môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận năng lực

Theo Nguyễn Công Khanh (2019) “Quản lý hoạt động ĐG bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và điều chỉnh hoạt động ĐG của GV. Hiệu quả quản lý phụ thuộc vào NL quản lý của cán bộ quản lý và sự phối hợp của GV bộ môn”. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, quản lý hoạt động ĐG trong nhà trường không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, cho điểm mà còn bao hàm toàn bộ quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và điều chỉnh các hoạt động ĐG kết quả học tập của HS “Quản lý hoạt động ĐG là một bộ phận quan trọng trong quản lý DH, có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục và sự phát triển toàn diện của người học” (Nguyễn Đức Chính, 2021).

Như vậy, quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận NL trong DH giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển NLHS. Quản lý không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra việc thực hiện ĐG mà còn bao gồm toàn bộ quá trình lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra và điều chỉnh phù hợp với mục tiêu giáo dục định hướng phát triển NL. Hiệu quả của việc quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận NL phụ thuộc vào NL chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp của CBQL cũng như sự phối hợp chặt chẽ của GV bộ môn. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, thực hiện tốt yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 thì việc quản lý ĐG cần được thực hiện một cách linh hoạt, khoa học nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác và phát huy tối đa vai trò phản hồi, định hướng của hoạt động ĐG đối với quá trình dạy và học.

Trong phạm vi bài viết, tác giả thống nhất khái niệm quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận NL là: “Quá trình tổ chức toàn diện, có hệ thống các hoạt động từ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đào tạo giáo viên, kiểm tra, giám sát đến điều chỉnh hoạt động ĐG, nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác và phát huy vai trò hỗ trợ học tập của ĐG, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lý và giáo viên bộ môn, phụ huynh học sinh cũng như sự linh hoạt, khoa học trong quá trình

triển khai và đổi mới phương pháp DH hướng tới mục tiêu phát triển NL người học”. Như trên đã nêu, tin học lớp 6 là một môn học có tính ứng dụng cao và gắn liền với thực tiễn cuộc sống. Do đó, việc chuyển từ ĐG kiến thức thuần túy sang ĐG NL người học đòi hỏi sự thay đổi toàn diện về quan điểm, phương pháp và cách tổ chức ĐG trong nhà trường, cần đầu tư cơ sở vật chất, bồi dưỡng chuyên môn cho GV. CBQL cần có kế hoạch cụ thể trong ĐG HS theo tiếp cận NL; tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động ĐG của GV đối với HS theo mục tiêu, kế hoạch đã xác định.

Đối với GV cần được hỗ trợ chuyên môn để hiểu rõ bản chất, phương pháp và công cụ ĐG theo định hướng NL như: Bảng tiêu chí (rubric), phiếu quan sát, câu hỏi mở, ĐG theo dự án... Việc bồi dưỡng thường xuyên và liên tục giúp GV nâng cao NL thiết kế hoạt động ĐG phù hợp với đặc thù bộ môn (Nguyễn Đức Chính, 2021). GV giữ vai trò trung tâm trong tổ chức hoạt động DH và ĐG HS theo tiếp cận NL. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả vai trò này, GV cần được hỗ trợ chuyên môn thường xuyên và có điều kiện thuận lợi để triển khai các hình thức ĐG đa dạng. Phạm Văn Hùng (2022) nhấn mạnh rằng, việc thiếu tài liệu hướng dẫn và thiết bị hỗ trợ là một rào cản lớn đối với GV trong việc triển khai ĐG NL thực chất. Đặc biệt đối với môn Tin học, yêu cầu ĐG thực hành, thao tác, tư duy logic thông qua môi trường máy tính là rất cao. Do đó, cần đầu tư đầy đủ về cơ sở vật chất như phòng máy, phần mềm chuyên dụng và các nền tảng hỗ trợ ĐG trực tuyến. Ngoài ra, GV cần được tham gia các hoạt động sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng “nghiên cứu bài học”, nơi GV cùng phân tích, xây dựng và rút kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai ĐG (Lê Minh Tiến, 2020). Đây là môi trường quan trọng để GV nâng cao NL thiết kế hoạt động học tập gắn với ĐG, đồng thời hình thành tư duy phản biện và đổi mới tư phạm.

CBQL nhà trường có vai trò quyết định trong việc tổ chức, giám sát và phát triển đội ngũ

GV trong quá trình thực hiện ĐG NL HS. Theo Fullan (2007) nhà quản lý giáo dục không chỉ làm nhiệm vụ hành chính mà còn là “lãnh đạo học thuật” có vai trò định hướng, tạo động lực và hỗ trợ chuyên môn cho đội ngũ sư phạm. Nguyễn Thị Kim Dung (2020) cho rằng, một trong những yếu tố quan trọng trong quản lý ĐG NL là xây dựng kế hoạch cụ thể, ban hành các văn bản hướng dẫn nội bộ, tổ chức kiểm tra - giám sát việc thực hiện và hỗ trợ kịp thời các khó khăn nảy sinh. Bên cạnh đó, lãnh đạo nhà trường cần thúc đẩy văn hóa học tập chuyên môn trong nội bộ trường học nhằm hình thành đội ngũ GV chủ động, linh hoạt và chuyên nghiệp trong ĐG. Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT cũng xác định Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm trong việc ĐG GV và tổ chức các hoạt động phát triển chuyên môn thường xuyên, gắn với mục tiêu của Chương trình giáo dục.

Điều kiện tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả ĐG NL: Hiệu quả của hoạt động ĐG NL HS phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có ba nhóm chính: (1) điều kiện cơ sở vật chất - thiết bị DH; (2) nhận thức và sự đồng thuận của phụ huynh và HS; (3) việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và triển khai ĐG. Theo OECD (2013) một hệ thống ĐG hiệu quả cần được hỗ trợ bởi chính sách nhất quán, nguồn lực đầy đủ và sự phối hợp giữa các cấp quản lý, GV và người học. Trong khi đó, UNESCO (2020) khẳng định vai trò của công nghệ thông tin trong ĐG là xu hướng tất yếu, đặc biệt trong giai đoạn khi việc chuyển đổi số trong giáo dục trở thành yêu cầu bắt buộc. Ở cấp độ nhà trường, điều kiện như phòng máy, phần mềm ĐG, kết nối Internet ổn định là yếu tố quyết định để triển khai các hình thức ĐG linh hoạt, cá nhân hóa và theo dõi tiến trình học tập một cách hiệu quả (Phạm Văn Hùng, 2022).

Như vậy quản lý hoạt động ĐG HS trong dạy học môn Tin học 6 theo tiếp cận NL là quá trình đòi hỏi sự thay đổi đồng bộ từ phía GV, CBQL và hệ thống điều kiện tổ chức DH - ĐG. Bên cạnh đó đầu tư, cải thiện cơ sở vật chất, ứng dụng công

nghệ thông tin và chuyển đổi số, sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường - bao gồm phụ huynh và cộng đồng - cũng là yếu tố không thể thiếu để nâng cao hiệu quả ĐG NL HS trong thực tiễn giáo dục phổ thông hiện nay. Đây là cơ sở định hướng cho việc xây dựng nội dung khảo sát, phân tích thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ĐG HS trong DH môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận NL.

3.4. Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá học sinh trong dạy học môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận năng lực

3.4.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- Khách thể và thời gian khảo sát: Vì thời gian có hạn nên mẫu khảo sát chọn ngẫu nhiên với quy mô nhỏ với 45 GV giảng dạy môn Tin học và 68 CBQL trong đó có 36 CBQL là Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và 32 tổ trưởng chuyên môn có phụ trách môn Tin học của các trường THCS trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Khảo sát được tiến hành từ ngày 25/06/2025 đến ngày 06/07/2025.

- Phương pháp khảo sát: Sử dụng bảng hỏi qua ứng dụng Google Forms: Thiết kế bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ. Mỗi điểm trong thang đo sẽ tương ứng với các mức ĐG, xếp loại (XL): 1 = “Rất không đồng ý” (RKĐY)/Kém (K); 2 = “Không đồng ý” (KĐY)/Yếu (Y); 3 = “Phân vân” (PV)/Trung bình (TB); 4 = “Đồng ý” (ĐY)/Khá (Kh); 5 = “Rất đồng ý” (RĐY)/Tốt (T). Giá trị điểm trung bình (ĐTB) đối với thang đo được tính theo giá trị khoảng cách (Maximum - minimum)/n = (5 - 1)/5 = 0,8 giữa các mức ĐG. Với thang đo 5 mức độ, cho biết các mức ĐG như sau: 1,00 -1,80: RKĐY/K; 1,81- 2,60: KĐY/Y; 2,61-3,40: PV/TB; 3,41-4,20: ĐY/Kh; 4,21-5,00: RĐY/T.

- Nội dung khảo sát cụ thể: (1) Đối với GV: Hỗ trợ chuyên môn và điều kiện triển khai các hoạt động ĐG HS trong DH môn Tin học 6 theo tiếp cận NL; (2) Đối với CBQL: Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện; Giám sát, hỗ trợ và phát triển NL GV; Điều kiện tổ chức và hiệu quả triển khai.

3.4.2. Kết quả khảo sát thực trạng

Bảng 1. Kết quả khảo sát GV về thực trạng hỗ trợ chuyên môn và điều kiện triển khai các hoạt động ĐG HS trong DH môn Tin học 6 theo tiếp cận NL

Đối tượng	Nội dung	Kết quả						
		Mức độ					ĐTB	XL
		RĐY	ĐY	PV	KĐY	RKĐY		
GV (N = 45)	1	12	19	8	6	0	3.8	Kh
	2	4	22	14	3	2	3.5	Kh
	3	1	7	16	18	3	2.7	TB
	4	5	7	11	12	10	2.7	TB
	Trung bình chung							3.2

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Ghi chú: (1) GV được nhà trường tập huấn/ hỗ trợ chuyên môn về ĐG NL; (2) Tổ chuyên môn có thảo luận về tiêu chí ĐG NL trong môn Tin học; (3) GV có đủ tài liệu và thiết bị hỗ trợ để ĐG NL HS; (4) GV tự tin trong việc ĐG NL HS theo chương trình GDPT 2018.

Kết quả khảo sát GV ở bảng 1 cho thấy: Về công tác tập huấn và hỗ trợ chuyên môn GV ĐG mức độ khá cao (ĐTB = 3.8, xếp loại khá) cho thấy đa số đã được nhà trường tổ chức tập huấn hoặc hỗ trợ về ĐG NL HS, phản ánh sự quan tâm nhất định từ phía nhà trường trong công tác bồi dưỡng chuyên môn. Về hoạt động của tổ chuyên môn (ĐTB = 3.5 xếp loại khá) chứng tỏ tổ chuyên môn có tham gia thảo luận về tiêu chí ĐG NL, song mức độ triển khai chưa đồng đều. Về điều kiện về tài liệu và thiết bị hỗ trợ (ĐTB = 2.7, chỉ

đạt mức trung bình) cho thấy nhiều GV chưa được trang bị đầy đủ tài liệu và thiết bị phục vụ cho việc ĐG theo hướng phát triển NLHS. Về mức độ tự tin của GV trong ĐG NL (ĐTB = 2.7, đạt mức Trung bình), điều này cho thấy còn nhiều GV chưa thực sự làm chủ được phương pháp ĐG NL HS theo chương trình GDPT 2018. Trung bình chung của cả 4 tiêu chí đạt 3.2, tương ứng với mức ĐG TB, phản ánh sự thiếu đồng bộ trong việc hỗ trợ chuyên môn và chuẩn bị điều kiện triển khai ĐG NL HS ở môn Tin học lớp 6.

Bảng 2. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý về thực trạng xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện, giám sát, hỗ trợ GV trong ĐG HS theo tiếp cận NL

Đối tượng	Nội dung	Kết quả						
		Mức độ					ĐTB	XL
		RĐY	ĐY	PV	KĐY	RKĐY		
CBQL (N = 68)	1	15	35	13	5	0	3.9	Kh
	2	11	33	20	4	0	3.8	Kh
	3	5	24	30	9	0	3.4	TB
	4	9	28	26	4	1	3.6	Kh
	Trung bình chung							3.6

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Ghi chú: (1) Nhà trường có kế hoạch cụ thể cho ĐG NL HS trong môn Tin học; (2) Ban giám hiệu thường xuyên chỉ đạo GV thực hiện ĐG theo NL; (3) Nhà trường có văn bản/hướng dẫn ĐG NL HS môn Tin học; (4) Các buổi sinh hoạt chuyên môn có đề cập đến nội dung ĐG theo NL.

Kết quả khảo sát CBQL ở bảng 2 cho thấy: Về kế hoạch cụ thể cho ĐG NL HS trong môn Tin học (ĐTB = 3.9, xếp loại Khá) cho thấy sự quan tâm, định hướng khá rõ ràng của các nhà trường trong công tác ĐG. Về sự chỉ đạo thường xuyên của Ban Giám hiệu (ĐTB = 3.8, ở mức khá) phản ánh vai trò lãnh đạo được thể hiện khá rõ nét trong chỉ đạo chuyên môn liên quan đến ĐG NL HS. Về văn bản/hướng dẫn ĐG NL HS môn Tin học (với ĐTB = 3.4, ở mức trung bình) điều này cho thấy sự thiếu nhất quán hoặc

hạn chế trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể đến GV. Về nội dung ĐG NL trong các buổi sinh hoạt chuyên môn (ĐTB = 3.6, thuộc mức khá) phản ánh rằng các tổ chuyên môn có đề cập đến nội dung ĐG NL tuy nhiên mức độ triển khai chưa thật sự đồng đều hoặc chưa đi vào chiều sâu. Điểm trung bình của cả 4 tiêu chí là 3.6 (khá) cho thấy các hoạt động giám sát và hỗ trợ từ phía CBQL đã được triển khai tương đối khá tốt nhưng vẫn còn một số điểm nghẽn cần được cải thiện, nhất là ở khía cạnh hướng dẫn và tổ chức thực thi cụ thể.

Bảng 3. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý về điều kiện tổ chức và hiệu quả triển khai trong ĐG HS theo tiếp cận NL

Đối tượng	Nội dung	Kết quả						
		Mức độ					ĐTB	XL
		RĐY	ĐY	PV	KĐY	RKĐY		
CBQL (N = 68)	1	0	29	12	17	10	2.9	TB
	2	14	33	16	5	0	3.8	Kh
	3	25	35	8	0	0	4.3	T
	4	27	36	5	0	0	4.3	T
	Trung bình chung							3.8

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Ghi chú: (1) Cơ sở vật chất (phòng máy, phần mềm) đáp ứng yêu cầu ĐG NL HS; (2) HS có khả năng thích nghi với các hình thức ĐG theo NL; (3) Phụ huynh ủng hộ việc chuyển từ ĐG điểm số sang ĐG NL; (4) Việc ĐG theo NL giúp nâng cao chất lượng DH môn Tin học.

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy: Về cơ sở vật chất phục vụ ĐG NL HS (ĐTB = 2.9, ở mức trung bình) cho thấy hạn chế rõ rệt về trang thiết bị, phòng máy, phần mềm cần thiết cho việc ĐG theo hướng tiếp cận NL đây là một rào cản lớn trong triển khai thực tế. Về khả năng thích nghi của HS với hình thức ĐG NL (ĐTB = 3.8, ở mức khá) phần lớn CBQL ĐG HS có khả năng tiếp cận và thích ứng tốt với các hình thức ĐG mới. Về sự ủng hộ của phụ huynh đối với việc chuyển từ ĐG điểm số sang ĐG NL (ĐTB = 4.3, ở mức tốt) cho thấy phụ huynh có thái độ tích cực, sẵn sàng thay đổi theo hướng tiếp cận NL HS. Về hiệu quả của ĐG NL trong nâng cao chất lượng DH môn Tin học (ĐTB = 4.3, mức tốt) phản ánh rõ niềm tin và sự ghi nhận từ đội ngũ quản lý về tác động tích cực của ĐG NL đối với chất lượng

dạy và học. Trung bình chung đạt 3.8 (khá): Mức này cho thấy nhìn chung các điều kiện triển khai và hiệu quả ĐG HS theo tiếp cận NL đang ở mức khá quan tuy nhiên vẫn tồn tại bất cập về cơ sở vật chất, là yếu tố cần ưu tiên đầu tư cải thiện trong thời gian tới.

ĐG chung:

(1) Ưu điểm: Kết quả khảo sát cho thấy một số điểm mạnh trong việc quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận NL trong DH môn Tin học lớp 6, đó là CBQL và GV thể hiện sự quan tâm, hợp tác tích cực đối với việc triển khai ĐG theo NL, nhận thức của GV, CBQL và phụ huynh về việc áp dụng ĐG NL có mức độ đồng thuận khá cao. CBQL thể hiện vai trò tích cực trong việc chỉ đạo và hỗ trợ GV góp phần nâng cao chất lượng DH. Bên cạnh đó, các GV đã được tiếp cận với công

tác tập huấn, tạo nền tảng tốt cho việc áp dụng ĐG NL HS trong thực tế giảng dạy.

(2) Hạn chế: Mặc dù đã có những tiến bộ ban đầu nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế đáng lưu ý đó là thiếu đồng bộ và đầy đủ về tài liệu hướng dẫn và thiết bị hỗ trợ ĐG NL HS. Một số GV chưa được trang bị đầy đủ các công cụ ĐG phù hợp dẫn đến chưa tự tin khi ĐG HS theo tiếp cận NL. Bên cạnh đó, việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn chưa đạt hiệu quả cao, các hoạt động vẫn còn thiếu tính thực tiễn và đồng đều. Cơ sở vật chất và thiết bị, đặc biệt là phòng máy và phần mềm cũng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu cần thiết cho việc triển khai ĐG NL HS.

(3) Nguyên nhân: Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên xuất phát từ nhiều yếu tố, từ việc thiếu đồng bộ trong hệ thống văn bản hướng dẫn và thiếu tài liệu chuyên sâu khiến GV gặp khó khăn trong việc ĐG HS theo tiếp cận NL. Bên cạnh đó, nguồn lực và cơ sở vật chất tại một số trường THCS vẫn còn thiếu nhất là về công nghệ thông tin, phòng máy tính và phần mềm chuyên dụng cho việc ĐG năng lực HS.

3.5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ĐG học sinh trong dạy học môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận năng lực

Dựa trên các phân tích kết quả khảo sát thực trạng, để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ĐG HS trong DH môn Tin học lớp 6 theo tiếp cận NL, cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm như sau:

(1) *Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho GV về ĐG HS theo tiếp cận NL*: Tổ chức các lớp tập huấn thường xuyên, chuyên sâu về thiết kế công cụ ĐG, xây dựng tiêu chí, hướng dẫn chấm điểm theo tiếp cận NL. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, ưu tiên các hình thức như mô hình minh họa, thực hành thiết kế và phân tích tình huống ĐG cụ thể trong môn Tin học. GV là nhân tố trung tâm trong việc triển khai ĐG NL HS. Tuy nhiên, GV vẫn còn thiếu tự tin và chưa được trang bị đầy đủ các tài liệu, công cụ

ĐG phù hợp. Vì vậy, việc tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế rubric, phiếu quan sát, bảng kiểm... là cần thiết nhằm nâng cao NL ĐG thực tế của GV (Nguyễn Đức Chính, 2021). Đồng thời, tài liệu tập huấn cần bám sát Chương trình GDPT 2018, có tính thực tiễn và dễ áp dụng (Bộ GD&ĐT, 2020).

(2) *Chuẩn hóa hệ thống tài liệu hướng dẫn và thiết bị hỗ trợ ĐG*: Việc xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn ĐG NL HS môn Tin học phù hợp với chương trình GDPT 2018 gồm: Tiêu chí ĐG, công cụ ĐG, mẫu phiếu nhận xét... Đầu tư, bổ sung đầy đủ phòng máy, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động ĐG NL. Việc thiếu tài liệu chuẩn khiến GV gặp khó khăn trong xây dựng công cụ và vận dụng các hình thức ĐG NL. Do đó, cần xây dựng bộ tài liệu minh họa tiêu chí ví dụ hóa rubrics, hướng dẫn sử dụng phần mềm... Ngoài ra, theo OECD (2013) việc đầu tư vào hệ thống thiết bị hỗ trợ DH và ĐG có liên quan mật thiết đến hiệu quả giáo dục.

(3) *Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng thực tiễn và hiệu quả*: Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề chuyên sâu về ĐG NL HS có lồng ghép thảo luận, phân tích minh chứng thực tế và chia sẻ kinh nghiệm giữa GV. Nhà trường giao nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ/nhóm chuyên môn xây dựng và thử nghiệm công cụ ĐG phù hợp với đặc thù môn Tin học. Tổ chuyên môn là môi trường lý tưởng để GV học tập lẫn nhau. Để phát huy hiệu quả cần tổ chức sinh hoạt theo hình thức nghiên cứu bài học trong đó GV cùng thiết kế, dạy thực nghiệm và rút kinh nghiệm về hoạt động ĐG (Lê Minh Tiến, 2020). Bộ GD&ĐT (2021) cũng nhấn mạnh việc sinh hoạt tổ chuyên môn cần gắn với NL GV và yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

(4) *Phát huy vai trò quản lý và giám sát của Ban Giám hiệu trong công tác ĐG*: Ban Giám hiệu ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về tổ chức hoạt động ĐG theo NL cho GV. Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ việc thực hiện ĐG của

GV kèm theo hỗ trợ và điều chỉnh kịp thời khi có khó khăn. Vai trò của CBQL trong chỉ đạo, kiểm tra và hỗ trợ GV là yếu tố quan trọng, điều này đặt ra yêu cầu cần chuẩn hóa kế hoạch và hướng dẫn thực thi ở từng trường. Theo Nguyễn Thị Kim Dung (2020) đội ngũ quản lý cần đóng vai trò “dẫn dắt học thuật”, không chỉ giám sát hành chính mà còn hỗ trợ chuyên môn. Đồng quan điểm, Fullan (2007) cho rằng nhà quản lý hiệu quả là người thúc đẩy sự thay đổi từ bên trong hệ thống.

(5) *Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh trong quá trình đổi mới ĐG*: Tổ chức các buổi truyền thông, tọa đàm với phụ huynh về mục tiêu và lợi ích của ĐG theo NL để tạo sự đồng thuận. Phát huy vai trò đồng hành của phụ huynh trong việc hỗ trợ HS thích nghi với các hình thức ĐG mới. ĐG NL HS sẽ khó đạt hiệu quả nếu thiếu sự hiểu biết và đồng thuận từ phía phụ huynh. Tuy nhiên để duy trì và phát huy điều này, nhà trường cần tăng cường truyền thông, tổ chức hội thảo giới thiệu rõ ý nghĩa, lợi ích và cách thức ĐG NL (Trần Thị Thu Thủy, 2021). Theo Epstein (2009) sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng là một trong những trụ cột nền tảng của giáo dục hiệu quả.

(6) *Đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong ĐG*: Cơ sở vật chất phục vụ ĐG NL HS môn Tin học còn nhiều hạn chế đặc biệt là thiết bị công nghệ, phòng máy tính và phần mềm ĐG. Đây là rào cản lớn ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai thực tế. Vì vậy, nhà trường cần ưu tiên đầu tư các điều kiện vật chất tối thiểu như hệ thống máy tính ổn định, kết nối Internet tốc độ cao, phần mềm mô phỏng và công cụ ĐG trực tuyến (Phạm Văn Hùng, 2022). Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp quá trình ĐG trở nên linh hoạt, tự động hóa, minh bạch và cá nhân hóa hơn. Các phần mềm quản lý học tập (LMS), công cụ tạo đề trắc nghiệm (AZtest, Google Forms...) và hệ thống thống kê kết quả ĐG sẽ hỗ trợ GV theo dõi tiến bộ HS một cách hiệu quả (UNESCO, 2020) đây cũng là xu hướng

tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay. Như vậy, các định hướng nêu trên cần được triển khai một cách đồng bộ, có kế hoạch và theo lộ trình cụ thể. Quá trình quản lý hoạt động ĐG theo tiếp cận NL đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - GV - phụ huynh, sự đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất - chuyên môn - công nghệ và đặc biệt là vai trò điều hành, định hướng chiến lược từ đội ngũ quản lý giáo dục. Có như vậy, hoạt động ĐG trong môn Tin học lớp 6 mới thực sự phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý hoạt động ĐG HS theo tiếp cận NL trong DH môn Tin học lớp 6 hiện nay đã có những bước tiến tích cực đặc biệt trong công tác tập huấn chuyên môn, chỉ đạo thực hiện và xây dựng kế hoạch tại các trường THCS. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, như hạn chế về cơ sở vật chất, sự thiếu đồng bộ trong hệ thống văn bản hướng dẫn, NL thực hành ĐG còn bất cập ở một bộ phận GV cũng như sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các lực lượng liên quan. Từ những phân tích thực tiễn và cơ sở lý luận, bài viết đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ĐG theo NL, bao gồm: Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho GV về ĐG HS theo tiếp cận NL; Chuẩn hóa hệ thống tài liệu hướng dẫn và thiết bị hỗ trợ ĐG; Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng thực tiễn và hiệu quả; Phát huy vai trò quản lý và giám sát của Ban Giám hiệu trong công tác ĐG; Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh trong quá trình đổi mới ĐG; Đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong ĐG. Nhà trường cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới ĐG HS một cách thực chất, phù hợp với định hướng của Chương trình GDPT 2018. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở tham khảo hữu ích cho CBQL giáo dục, GV và nhà

hoạch định chính sách trong việc xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục môn Tin học nói riêng và giáo dục THCS nói chung trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ACM Education Board. (2023). *Computer science curricula 2023*. Association for Computing Machinery. <https://csed.acm.org/wp-content/uploads/2023/09/Version-amma.pdf>
- Black, P., & Wiliam, D. (1998). *Inside the black box: Raising standards through classroom assessment*. Phi Delta Kappan.
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2018c). *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học cấp THCS*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2020). *Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ĐG, xếp loại học sinh THCS và trung học phổ thông*.
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2021). *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT quy định về ĐG học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông* (hiệu lực từ ngày 5/9/2021).
- Darling-Hammond, L., & Adamson, F. (2014). *Beyond the bubble test: How performance assessments support 21st century learning*. Wiley.
- Epstein, J. L. (2009). *School, family, and community partnerships: Your handbook for action* (2nd ed.). Corwin Press.
- European Commission. (2018). *Key competences for lifelong learning*. <https://education.ec.europa.eu/focus-topics/improving-quality/key-competences-initial-education>
- Fullan, M. (2007). *The new meaning of educational change* (4th ed.). Teachers College Press.
- Lê, M. T. (2020). Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Một định hướng phát triển năng lực giáo viên. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (267), 13-16.
- Nguyễn, C. K. (2019). *Giáo trình kiểm tra ĐG trong giáo dục*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, Đ. C. (2021). Đánh giá năng lực học sinh trung học cơ sở theo Chương trình GDPT 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (186), 45-52.
- Nguyễn, Đ. C. (2021). *Đổi mới kiểm tra ĐG theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, T. K. D. (2020). Vai trò của cán bộ quản lý trong thực hiện ĐG năng lực học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, (108), 30-33.
- Nguyễn, T. T. H. (2021). Những khó khăn trong triển khai ĐG theo năng lực ở bậc phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (10), 52-56.
- Nguyễn, V. C., & Trần, T. M. L. (2021). *Đổi mới ĐG học sinh trong dạy học môn Tin học cấp trung học cơ sở theo định hướng phát triển năng lực*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- OECD. (2013). *Synergies for better learning: An international perspective on evaluation and assessment*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264190658-en>
- Pellegrino, J. W., Chudowsky, N., & Glaser, R. (2001). *Knowing what students know: The science and design of educational assessment*. National Academies Press.

- Phạm, V. H. (2022). Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra ĐG học sinh trung học. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (284), 17-19.
- Redecker, C., & Punie, Y. (2017). *European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu*. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/159770>
- Trần, M. L. (2021). Tác động của đổi mới kiểm tra ĐG đến chất lượng dạy học ở cấp THCS. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (190), 48-52.
- Trần, T. T. (2022). Phát triển năng lực học sinh qua hoạt động ĐG. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (9), 45-49.
- UNESCO. (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?* UNESCO Publishing.
- UNESCO. (2020). *Distance learning strategies in response to COVID-19 school closures*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000373305>
- Virginia Department of Education. (2024). *2024 computer science standards of learning*. <https://www.doe.virginia.gov>